BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH

Số: 380 /QĐ-NTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Quyết định 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ quyền hạn và chức năng của Hiệu trưởng được quy định tại điều 21 Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường ban hành kèm theo quyết định số 14/2005/TTg ngày 17/1/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là **Quy định về việc đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ** của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Quy định này sẽ thay cho Quy định về việc thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban ngày 09/03/2010 đã hết hiệu lực.

Điều 3. Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Các khoa;
- Phòng Quản lý Đào tạo;
- Tổ IT;
- P. HP; Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Ths. Trần Ái Cầm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2011

QUY ĐỊNH
Về việc đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định 380/~~2011~~/QĐ-NTT ngày 23 tháng 12 năm 2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

Điều 1. Mục đích

Quy định việc thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ được áp dụng cho các sinh viên nhập học trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy.

Điều 3. Chương trình giáo dục

1. Đối với bậc đại học

   1.1. Chương trình giáo dục cho trình độ đại học có khối lượng từ 140 – 150 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm từ 52 – 59 tín chỉ.

   1.2. Thực tập cuối khóa có khối lượng là 6 tín chỉ (8 – 12 tuần)

   1.3. Khóa luận tốt nghiệp có khối lượng là 7 tín chỉ (thực hiện trong vòng 15 tuần)

2. Đối với bậc cao đẳng

   2.1. Chương trình giáo dục cho trình độ cao đẳng có khối lượng từ 105 đến 115 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm từ 35 - 45 tín chỉ.

   2.2. Thực tập cuối khóa có khối lượng là 6 tín chỉ (4 -12 tuần).

   2.3. Khóa luận tốt nghiệp có khối lượng là 5 tín chỉ (thực hiện trong 10 tuần).

Điều 4. Tín chỉ và tiết học

1. 1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết = 30 tiết thực hành (thí nghiệm, thảo luận, bài tập) = 45 – 90 giờ thực tập (hay 1 đến 2 tuần thực tập) = 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận.

2. Một tiết học có 45 phút.
3. 1 tiết lý thuyết yêu cầu 2 giờ tự học. 2 tiết thực hành yêu cầu 1 giờ tự học.

Điều 5. Phân loại học phần

1. Học phần bắt buộc là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải hoàn tất để đạt yêu cầu tốt nghiệp.
2. Học phần tự chọn là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết mà sinh viên có thể lựa chọn để đăng ký học dưới hướng dẫn của Trường theo định hướng nghề nghiệp hoặc lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.
3. Học phần thay thế/ tương đương là học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa ngành khác đang được đào tạo tại trường mà sinh viên được phép tích lũy để thay thế một học phần khác trong chương trình đào tạo hiện hữu. Khái niệm học phần thay thế được sử dụng khi một học phần được quy định trong chương trình đào tạo nhưng không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.
4. Học phần tiên quyết: một học phần A được gọi là học phần tiên quyết của học phần B khi điều kiện tiên quyết để đăng ký học phần B là sinh viên đã đăng ký và hoàn tất đạt học phần A.
5. Học phần song hành: một học phần A được gọi là học phần song hành của học phần B khi sinh viên chỉ được phép đăng ký học phần B khi đã đăng ký học phần A. Sinh viên được đăng ký học phần B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học môn A. Học phần B là học phần bắt buộc thì học phần A cũng phải là học phần bắt buộc. Ngược lại học phần A là bắt buộc thì không nhất thiết học phần B là bắt buộc.
6. Học phần học trước: học phần A là học phần học trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký và được xác nhận học xong học phần A (có thể chưa đạt nhưng có điểm học phần khác không hoặc điểm I).

Điều 6. Đăng ký học phần

1. Sinh viên sẽ thực hiện việc đăng ký học phần tại website: http://dkmhnew.ntt.edu.vn.
2. Sinh viên thực hiện việc đăng ký học phần của từng học kỳ theo kế hoạch nhà trường thông báo. Kết thúc thời gian đăng ký học phần, hệ thống tự đóng lại và ghi nhận kết quả đăng ký cuối cùng của sinh viên.
3. Sinh viên phải chịu trách nhiệm với các học phần mình đã đăng ký.
4. Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đóng học phí theo thời gian nhà trường thông báo sẽ không có tên trong danh sách lớp. Hệ thống tự ghi lại số nợ học phí sinh

viên chưa đóng bằng ký hiệu N*.

5. Những sinh viên bị nợ học phí khi thực hiện đăng ký học phần cho học kỳ tiếp theo phải đóng học phí của học phần đăng ký và học phần nợ mới xem như đăng ký hợp lệ.

Điều 7. Khóa học

1. Đối với bậc đại học thời gian 1 khóa học là 4 năm.
2. Đối với bậc cao đẳng, thời gian 1 khóa học là từ 2.5 đến 3 năm tùy theo ngành.

Điều 8. Thời gian tối đa hoàn tất chương trình

1. Thời gian tối đa hoàn tất chương trình là 6 năm đối với bậc đại học và 5 năm đối với bậc cao đẳng dành cho sinh viên không thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy).
2. Không hạn chế thời gian tối đa hoàn tất chương trình cho sinh viên thuộc diện chính sách ưu tiên (quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy).

Điều 9. Đăng ký khối lượng học tập đầu khóa

Việc áp dụng đăng ký học phần sẽ không áp dụng cho 02 học kỳ đầu năm thứ nhất. Sinh viên năm thứ nhất (trừ học kỳ 3) sẽ học theo thời khóa biểu cố định.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học đầu học kỳ

1. Đầu mỗi học kỳ (ngoại trừ 2 học kỳ đầu khóa), sinh viên sẽ đăng ký các học phần mà mình sẽ theo học trong học kỳ.
2. Sinh viên có học lực bình thường phải đăng ký tối thiểu 14 tín chỉ trừ học kỳ cuối khóa.
3. Sinh viên có học lực yếu phải đăng ký tối thiểu 10 tín chỉ trừ học kỳ cuối khóa, và chỉ được đăng ký tối đa 14 tín chỉ.

Điều 11. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Sinh viên được quyền đăng ký học lại các học phần đã học để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 12. Rút học phần

1. Sinh viên có quyền xin rút học phần trong vòng 01 tuần kể từ khi học phần được bắt đầu

2. Học phần được rút sẽ được nhận điểm W. Điểm này không tính vào điểm trung bình học tập của sinh viên.
3. Sinh viên không được hoàn lại học phí của học phần được rút.

Điều 13. Đánh giá học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

1. Điểm học phần (ĐHP) là điểm trung bình có trọng số của điểm quá trình (ĐQT) và điểm thi kết thúc học phần (ĐTH). Trong đó điểm thi kết thúc học phần chiếm 70% điểm học phần.

$$ĐHP = 0,3ĐQT + 0,7ĐTH$$

2. Điểm quá trình bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi giữa kỳ, điểm tiểu luận (gọi chung là điểm đánh giá bộ phận). Tỷ lệ của các điểm đánh giá bộ phận trong điểm quá trình phải tuân thủ theo đề cương học phần và do giảng viên quyết định.
3. Phải bảo đảm có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ (hoặc thi giữa kỳ) cho mỗi 2 tín chỉ.
4. Điểm học phần (ĐHP) được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Điều 14. Đánh giá học phần chỉ có thực hành/ thí nghiệm

1. Sinh viên phải tham gia đủ các bài thực hành. Sinh viên vắng mặt tại buổi thực hành phải đăng ký thực hành tại buổi khác.
2. Điểm các bài kiểm tra thực hành được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.
3. Điểm trung bình cộng các bài thực hành làm tròn đến 1 chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Điều 15. Thi kết thúc học phần

Mỗi học phần chỉ tổ chức 1 lần thi kết thúc học phần trong học kỳ.

Điều 16. Vắng thi không lý do chính đáng

Sinh viên vắng thi không có lý do chính đáng ở kỳ thi chính thức của học phần phải nhận điểm 0 (không) cho điểm thi kết thúc học phần.

Điều 17. Vắng thi có lý do chính đáng

1. Với lý do chính đáng (tai nạn, bệnh tật, tang sự …), sinh viên được phép vắng thi ở kỳ thi chính thức. Sinh viên phải làm đơn xin vắng thi nộp phòng Quản lý Đào tạo. Đơn phải kèm các giấy tờ minh chứng cho lý do và phải nộp không trễ sau ngày thi kết thúc học phần.
2. Sinh viên được phép vắng thi phải làm đơn xin xóa nợ thi trong vòng 1 năm học. Nếu sau 1 năm học sinh viên không xóa nợ điểm thi thì sẽ nhận điểm 0 (không) cho điểm

thi kết thúc học phần.

Điều 18. Thang điểm đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần

Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

Điều 19. Thang điểm học phần

1. Điểm học phần được quy đổi về thang điểm chữ theo bảng sau:

Điểm chữ	Điểm số	Ghi chú
A	8,5-10	
B	7,0-8,4	
C	5,5-6,9	
D	4,0-5,4	
F	<4,0	
I	-	Chưa đủ dữ liệu đánh giá
X	-	Chưa nhận được kết quả thi.
R	-	Học phần được cho phép chuyển điểm
W	-	Học phần được rút

2. Ký hiệu I được áp dụng cho trường hợp sinh viên được vắng thi có lý do chính đáng và được phép của Phòng Quản lý Đào tạo. Sinh viên nhận điểm I phải có trách nhiệm đăng ký thi tại kỳ thi tiếp theo trong vòng 1 năm. Sau 1 năm, điểm I phải được chuyển sang các thang điểm A-F.
3. Ký hiệu X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Quản lý Đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa phụ trách học phần chuyển lên.
4. Ký hiệu R được áp dụng cho những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến.
5. Ký hiệu W được áp dụng cho các học phần sinh viên được phép rút.

Điều 20. Tích lũy học phần

Học phần được xem là được tích lũy khi điểm học phần là A, B, C, D, R.

Điều 21. Điểm trung bình chung học tập và điểm trung bình chung tích lũy

1. Điểm trung bình chung học tập là điểm trung bình có trọng số các học phần sinh viên đã đăng ký học tập. Phân biệt điểm trung bình chung học tập của học kỳ (gọi tắt là điểm trung bình học kỳ), điểm trung bình chung học tập của năm học (gọi tắt điểm trung bình năm học).

2. Điểm trung bình chung học tập (gọi tắt là điểm trung bình tích lũy) là điểm trung bình có trọng số các học phần sinh viên đã tích lũy tính từ đầu khóa đến thời điểm xem xét.

Điều 22. Quy đổi điểm học phần để tính điểm trung bình chung tích lũy và điểm trung bình học kỳ

Điểm học phần được quy đổi về thang điểm chữ theo bảng sau để tính điểm trung bình chung:

Điểm chữ	Điểm số
A	4
B	3
C	2
D	1
F	0

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học tập và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 (hai) chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

A : là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm của học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n : là tổng số học phần.

2. Các học phần được tính trong điểm trung bình chung học tập là các học phần đã đăng ký học trong học kỳ hay năm học. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ khi tính điểm trung bình học kỳ hay trung bình năm học.
3. Các học phần được tính trong điểm trung bình chung tích lũy là các học phần đã tích lũy tính từ đầu khóa cho tới thời điểm tính điểm.
4. Các học phần có điểm I, X, R, W không được tính trong điểm trung bình chung học tập hay tích lũy.
5. Khi tính điểm trung bình chung để xét học vụ (buộc thôi học, xét tốt nghiệp, xếp

hạng tốt nghiệp) chỉ tính điểm cao nhất của học phần (nếu học phần được học lại nhiều lần).

6. Khi tính điểm trung bình chung để xét thi đua – khen thưởng chỉ tính điểm đầu tiên của học phần (nếu học phần được học lại nhiều lần).
7. Không tính điểm học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điều 24. Đánh giá học lực

Sau mỗi học kỳ, học lực của sinh viên sẽ được giá theo điểm trung bình học kỳ.

Điều 25. Xếp hạng học lực

Dựa trên điểm trung bình chung học kỳ, có 2 loại xếp hạng học lực:

1. Hạng bình thường: nếu điểm trung bình học kỳ đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4.
2. Hạng yếu: nếu điểm trung bình học kỳ dưới 2,00 theo thang điểm 4 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Điều 26. Xếp hạng học tập

1. Xếp hạng học tập được tính dựa trên điểm trung bình chung tích lũy.
2. Hạng học tập theo bảng sau:

Hạng học tập	Điểm trung bình chung
Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59
Khá	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình	Từ 2,00 đến 2,49
Yếu	Dưới 2

Điều 27. Buộc thôi học vì học vụ

Sinh viên bị buộc thôi học vì lý do học vụ trong những trường hợp sau:

1. Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp.
2. Tích lũy được dưới 30 tín chỉ với điểm trung bình tích lũy dưới 1,20.
3. Tích lũy được dưới 60 tín chỉ với điểm trung bình tích lũy dưới 1,40.
4. Tích lũy được dưới 90 tín chỉ với điểm trung bình tích lũy dưới 1,60.
5. Tích lũy được từ 90 tín chỉ trở lên với điểm trung bình tích lũy dưới 1,80.
6. Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường (Quy định tại Điều 8.

Điều 28. Nghỉ học vì lý do cá nhân

1. Sinh viên được phép xin tạm nghỉ học vì nhu cầu cá nhân nhưng phải học ít nhất một

học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00.

2. Thời gian tạm nghỉ học vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức.

Điều 29. Học cùng lúc 2 chương trình

1. Sinh viên được phép đăng ký học chương trình thứ hai. Sinh viên phải nộp đơn cho Phòng Quản lý Đào tạo, đơn có xác nhận của phụ huynh và khoa.
2. Thời gian theo học cả 2 chương trình là thời gian tối đa quy định tại Điều 7 của Quy định này.
3. Sinh viên được đăng ký học cùng lúc 2 chương trình nếu thỏa tất cả các điều kiện sau:
   3.1. Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất.
   3.2. Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất.
   3.3. Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu.

Điều 30. Thôi học cùng lúc 2 chương trình

1. Sinh viên được phép thôi học chương trình thứ hai. Sinh viên phải nộp đơn cho Phòng Đào tạo, đơn có xác nhận của phụ huynh và khoa.
2. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

Điều 31. Khóa luận tốt nghiệp

1. Sinh viên chỉ được nhận khóa luận tốt nghiệp khi thỏa các điều kiện để làm khóa luận tùy theo yêu cầu của từng ngành.
2. Đối với các ngành đào tạo đòi hỏi nhiều thời gian cho thí nghiệm hay khảo sát để hoàn tất khóa luận tốt nghiệp, việc nhận đề tài tốt nghiệp có thể đồng thời với thực tập cuối khóa (hay thực tập tốt nghiệp).
3. Thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp không dưới 04 tuần và không quá 15 tuần.

Điều 32. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi thỏa tất cả các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình giáo dục.
2. Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
3. Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu chuẩn đầu ra của từng ngành.
4. Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

5. Thỏa các yêu cầu khác của chương trình giáo dục.

Điều 33. Xếp hạng tốt nghiệp

1. Hạng tốt nghiệp được xác định dựa trên điểm trung bình chung tích lũy như sau:

Hạng tốt nghiệp	Điểm trung bình chung tích lũy
Xuất sắc	Từ 3,60 đến 4,00
Giỏi	Từ 3,20 đến 3,59
Khá	Từ 2,50 đến 3,19
Trung bình	Từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của các sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy thuộc loại xuất sắc và giỏi như quy định trên đây sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong những trường hợp sau:

   2.1. Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

   2.2. Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

Điều 34. Thi hành

Tất cả các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thi hành Quy định này.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ths. Trần Ái Cầm